

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06-01-2023

V/v Không công nhận là vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phạm Đăng Khoa.
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thế Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 506/2022/TLST - HNGĐ, ngày 21 tháng 12 năm 2022, về việc “Không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Phan Văn N; sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn 3, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.
- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn 3, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc nguyên đơn ông Phan Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Nguyễn Thị Ng chung sống với nhau vào năm 1995, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vì nhận thức pháp luật còn hạn chế, hai người tổ chức đám cưới theo phong tục; khi về chung sống với nhau hai bên đều tự nguyện và không có ai ép buộc. Tuy nhiên, sau khi về chung sống một thời gian thì mâu thuẫn, nguyên nhân tính cách, lối sống không hợp nhau; đến năm 2008 thì không chung sống với nhau nữa. Nay nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với bà Ng được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn. Tuy nhiên, do hai bên không có đăng ký kết hôn

theo quy định của pháp luật nên yêu cầu tuyên bố tôi và bà N không phải là vợ chồng.

- Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống chúng tôi có 03 đứa con chung là Phan Thị Thanh H, sinh năm 1995; Phan Thị Thu H, sinh năm 1996 và Phan Thị Huyền T, sinh năm 2000; hiện nay, các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Tôi và bà N tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình làm việc bị đơn bà Nguyễn Thị Ngoãn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông N chung sống với nhau từ năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vì nhận thức pháp luật còn hạn chế, hai người có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương; khi về chung sống với nhau hai bên đều tự nguyện và không có ai ép buộc; quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau về tính cách, lối sống, đến năm 2008 thì không còn chung sống với nhau nữa. Nay nhận thấy không còn chung sống với ông N nữa nên ông N có yêu cầu tuyên bố tôi và ông N không phải là vợ chồng, tôi đồng ý.

- Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống chúng tôi có 03 đứa con chung như ông N trình bày; các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu về nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị N chung sống với nhau từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do mâu thuẫn nên ông N khởi kiện yêu cầu không công nhận là vợ chồng với bà N và Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nội dung: Ông N và bà N chung sống với nhau vào năm 1995, trong cuộc sống hai bên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên không có cùng quan điểm sống; hiện nay, cũng không còn chung sống với nhau. Xét thấy, Ông Bà đồng ý ly hôn với nhau, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy, đây không phải là hôn nhân hợp pháp, căn cứ vào các Điều 14, Điều

15, khoản 2 Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình nên không giải quyết theo thủ tục ly hôn được mà cần tuyên bố không công nhận ông N và bà N là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Ông N và bà N có 03 con chung là Phan Thị Thanh H, sinh năm 1995; Phan Thị Thu , sinh năm 1996 và Phan Thị Huyền T, sinh năm 2000; hiện nay, các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và các khoản nợ: Ông N và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự: Cần buộc ông N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273; Điều 320, Điều 321 và Điều 322 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị N không phải là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị N có 03 con chung là Phan Thị Thanh H, sinh năm 1995; Phan Thị Thu H, sinh năm 1996 và Phan Thị Huyền T, sinh năm 2000; các con chung đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và các khoản nợ: Ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự: Ông Phan Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số: AA/2021/0010990 ngày 12/12/2022.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'Leo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Đăng Khoa